

Bản án số: 30/2020/HS-ST
Ngày 13/5/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Thanh Bình

Bà Đỗ Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa – Thư ký Tòa án TAND h. H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa:

Ông Dương G Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 23/2020/TLST-HS ngày 09 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2020/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2020 đối với các bị cáo:

Lê Văn T, sinh ngày 20 tháng 5 năm 1998 tại xã Tr, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn S, xã Tr, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn C, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1976; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/01/2020 đến ngày 21/01/2020. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

Đỗ Văn U, sinh ngày 05 tháng 6 năm 1998 tại xã Y, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn T, xã Y, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn C, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1959; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/01/2020 đến ngày 21/01/2020. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

Nguyễn Văn M, sinh ngày 08 tháng 8 năm 1990 tại xã Y, huyện H, tỉnh Thanh

Hóa; nơi cư trú: thôn Hùng G, xã Y, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Tấn, sinh năm 1963 và bà Lê Thị Giới, sinh năm 1967; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/01/2020 đến ngày 21/01/2020. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

Người bị hại: anh Cao Xuân Đ, sinh năm 2001 . Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: thôn Ng 3, xã Qu, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Xuân Nh, sinh năm 1997. Vắng mặt.

Địa chỉ: thôn T, xã Y, huyện H, tỉnh Thanh Hóa;

Người làm chứng:

1. Chị Trương Thị Ph, sinh năm 1999. Vắng mặt

Địa chỉ: thôn Sao Vàng, xã P, huyện H, tỉnh Thanh Hóa;

2. Chị Hoàng Thị U', sinh năm 2000. Vắng mặt

Địa chỉ: thôn X, xã Kh, huyện Nh, tỉnh Thanh Hóa

3. Chị Trương Thị Y, sinh năm 1994. Vắng mặt

Địa chỉ: thôn 11, xã Ǻ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

4. Anh Lê Văn T sinh năm 2000. Vắng mặt

Địa chỉ: xã Tr, huyện H tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 05 giờ ngày 15/01/2020, Lê Văn T và Lê Văn G, Đỗ Văn U, Nguyễn Văn M đang ngủ ở phòng 202 nhà nghỉ Huy Phú ở xã Tr. Do nghi ngờ người yêu mình là chị Trương Thị Ph có mối quan hệ tình cảm với người khác và hiện đang cùng nhau trên đường về nhà nên T đã rủ G đi có việc, G không biết T đi đâu nhưng vẫn chờ T đi. Trước khi đi, T đem 01 con dao dạng dao quắm dắt vào người. G dùng xe mô tô hiệu Exciter màu xanh đen trắng biển số 36B5-592.77 của anh Nguyễn Xuân Nh đeo T lên khu vực cây xăng thuộc ngã thương Hoàng Minh do T chỉ dẫn. G và T đứng đợi khoảng 15 phút thì T nhìn thấy anh Cao Xuân Đ điều khiển xe máy hiệu Vision màu đỏ đen biển số 36B7-146.40 chờ chị Trương Thị Ph đi về hướng thị trấn Bút Sơn, huyện H. Thấy vậy, T gọi điện thoại cho Đỗ Văn U và nói “lên cầu Choán có việc”, U đồng ý rồi rủ Nguyễn Văn M đi cùng, cả hai đi bằng xe điện. T nói G chờ T đi theo sau xe máy của anh Đ và chị Ph. Đến khu vực bệnh viện đa khoa huyện H, anh Đ và chị Ph vào quán ăn

sáng, còn T và G đứng ngoài đồng thời T gọi điện cho U nói đang ở cổng bệnh viện đa khoa huyện H. Khoảng 05 phút sau, U và M đến, T nói G đi xe về trước. Khi anh Đ và chị Ph ra khỏi quán, T, U và M điều khiển xe máy Exciter đi theo sau đến khu vực cầu Choán T nói U vượt lên chặn đầu xe của anh Đ. Khi xe Đ dừng lại, T nhảy xuống xe, rút dao trong người ra chỉ vào mặt anh Đ và nói “sao lại yêu người yêu của anh”, Đ trả lời “không phải”, cùng lúc này T, U, M lao vào dùng tay, chân đấm đá vào người anh Đ, chị Ph thấy vậy can ngăn. T dừng lại và nói U, M “đưa nó về nhà nghỉ Huy Phú”. Nghe T nói vậy Uy, M đánh và bắt Đ lên xe máy Exciter, Đ không đi thì bị M tát vào mặt bảo Đ phải lên xe, U là người lái còn anh Đ ngồi giữa, M ngồi sau. T lên xe Vision chở chị Ph về nhà nghỉ Huy Phú. T, M, U, anh Đ và chị Ph đi lên phòng 202 của nhà nghỉ, khi lên phòng người lễ tân và chủ nhà nghỉ đều không biết. Tại phòng nghỉ, T hỏi Đ về mối quan hệ giữa Đ và chị Ph đồng thời xem điện thoại của anh Đ và điện thoại của chị Ph, thấy Đ có những tin nhắn tán tỉnh chị Ph nên T dùng tay, chân đấm đá vào người anh Đ. Thấy vậy U và M cùng dùng tay, chân đấm, đá anh Đ. Lúc này G điều khiển xe điện về và lên phòng 202, biết được sự việc Đ tán tỉnh chị Ph nên cũng dùng tay đánh anh Đ, Anh Đ xin nên cả nhóm dừng lại, T và chị Ph sang phòng bên nói chuyện và T yêu cầu anh Đ ở lại chờ cùng M, G và U, trong khi chờ anh Đ vẫn tự do đi lại. Sau khi nói chuyện với chị Ph xong T nói gọi taxi cho anh Đ về và đe dọa anh Đ “mày gọi ai thì gọi, không mai tao lên nhà mày”. Sau khi về anh Đ đã đến cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện H trình báo vụ việc.

Thương tích của anh Đ do bị các đối tượng T, Uy, M, G đánh:

01 vết xước, bầm tím da ở vùng mạng sườn bên trái; 01 vết bầm đỏ ở vùng lưng bên trái; 01 vết bầm đỏ ở vùng mũi bên trái; 01 vết bầm tím vùng tai, thái dương bên phải; 01 vết sưng nề nhẹ vùng gò má bên phải; 01 vết rách mặt trong môi dưới kích thước 1,5 cm x 0,3 cm.

Vì thương tích nhẹ nên anh Đ không đi điều trị và từ chối giám định tỷ lệ thương tật nên không có đủ cơ sở xử lý về tội “Cố ý gây thương tích”.

Trong quá trình điều tra xác định G không biết mục đích của T, U và M, G không tham gia việc bắt anh Đ, khi lên phòng mới biết việc anh Đ tán bạn gái của T nên G bức xúc đánh anh Đ. Cơ quan cảnh sát điều tra đã xử lý hành chính đối với hành vi “Cố ý gây thương tích cho người khác” của G.

Về vật chứng vụ án:

Chiếc xe máy hiệu Exciter màu xanh, đen biển số 36B5-592.77 của anh Nguyễn

Xuân Nh đúng tên chủ sở hữu là ông Nguyễn Xuân Tr (bố anh Nh) cho Nh mượn. Ông Tr và Nh không biết việc T, U, M đã sử dụng xe vào việc phạm tội nên cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại tài sản cho anh Nh.

01 điện thoại nhãn hiệu VERTUS – 027903 màu đen có số IMEI 1: 358887878754212, lắp sim số 0974711102 được niêm phong trong một phong bì thư ký hiệu M1;

01 điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY S10 có số IMEI 1: 354553100191931 lắp sim số 0966090010 được niêm phong trong một phong bì thư ký hiệu M2;

01 con dao bằng thép màu trắng sáng lưỡi mũi nhọn, cán bằng gỗ dài 50cm, nơi rộng nhất lưỡi dao 6,5cm, mặt dao có ký hiệu OXHEAD.

Toàn bộ vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại chi cục Thi hành án dân sự huyện H chờ xử lý;

Người bị hại là anh Cao Xuân Đ có lời khai phù hợp lời khai của bị cáo và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Lê Văn T, Đỗ Văn U và Nguyễn Văn M đã khai nhận toàn bộ hành vi đúng như nêu trên, phù hợp với tài liệu chứng cứ và lời khai của người bị hại, người làm chứng có trong hồ sơ vụ án.

Bản cáo trạng số 33/CT-VKSHH ngày 07/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố các bị cáo Lê Văn T, Đỗ Văn U và Nguyễn Văn M về tội “Bắt người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 157 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 157, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt các bị cáo Lê Văn T, Đỗ Văn U và Nguyễn Văn M về tội “Bắt người trái pháp luật”.

Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Văn T mức hình phạt tù 12 – 15 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 – 30 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đề nghị xử phạt bị cáo Đỗ Văn U mức hình phạt tù 09 – 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 – 30 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M mức hình phạt tù 09 – 12 tháng tù, cho

hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 – 30 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu thanh lý sung quỹ nhà nước đối với chiếc điện thoại của bị cáo T và điện thoại của bị cáo U là phương tiện phạm tội;

Đề nghị tịch thu tiêu hủy con dao quắm là vật bị cáo T dùng để hỗ trợ cho việc phạm tội;

Đối với chiếc xe Exciter là phương tiện phạm tội nhưng là xe các bị cáo mượn của anh Nh, anh Nh mượn xe của bố là ông Tr để đi. Anh Nh và ông Tr không biết việc các bị cáo dùng xe của mình làm phương tiện phạm tội nên đã được trả lại cho anh Nh. Đề nghị không xem xét.

Về án phí: Đề nghị buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo có ý kiến: xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt vì bị cáo đã rất ăn năn hối hận.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về dấu hiệu định tội: Vì lý do ghen tuông, nghi ngờ nên bị cáo Lê Văn T đã rủ bị cáo Đỗ Văn U, bị cáo U gọi thêm bị cáo Nguyễn Văn M và cả bọn đã cùng nhau thực hiện hành vi bức ép, bắt anh Cao Xuân Đ ngồi lên xe mô tô để đưa về phòng 202 nhà nghỉ Huy Phú ở xã Tr, huyện H. Tại đây các bị cáo vẫn để anh Đ tự do đi lại. Sau khi hỏi người yêu mình là chị Ph về mối quan hệ giữa Đ và chị Ph, bị cáo T đã gọi taxi chở anh Đ về. Như vậy, các bị cáo T, U và M đã có hành vi bắt anh Đ trái pháp luật nên hành vi của các bị cáo Lê Văn T, Đỗ Văn U và Nguyễn Văn M đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm của tội “Bắt người trái pháp luật”, tội phạm, hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật hình sự.

Trong quá trình phạm tội, các bị cáo T, M, U và anh G có dùng tay, chân đâm, đá

vào người anh Đ gây thương tích cho anh nhưng vì vết thương nhẹ nên anh Đ không đi điều trị và từ chối giám định tỷ lệ thương tật, anh Đ cũng không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi: Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về thân thể, tự do cá nhân của công dân được Nhà nước và pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến trật tự trị an, an toàn xã hội. Chỉ vì động cơ ghen tuông mà bị cáo T đã cùng các bạn của mình là bị cáo U, M thực hiện hành vi bắt anh Đ trái pháp luật. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội cần phải được trừng trị.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo T, M và U đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa tất cả các bị cáo đều thành khẩn khai báo, sau khi phạm tội đã đến cơ quan điều tra đầu thú, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Vì vậy, các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Trong vụ án, các bị cáo phạm tội là thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, đều do nhất thời phạm tội, không có sự bàn bạc, phân công vai trò. Trong đó bị cáo T là người khởi xướng, người thực hành tích cực nên phải chịu mức hình phạt cao nhất, bị cáo M và Uy là người giữ vai trò giúp sức, được T gọi đến và phạm tội theo sự hướng dẫn của T nên chỉ phải chịu mức hình phạt thấp hơn.

Trên cơ sở tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhận thấy các bị cáo đều phạm tội bột phát, chỉ vì những nghi ngờ ghen tuông dẫn đến bị cáo T phạm tội, bị cáo M và U chỉ vì a dua theo bạn, giúp bạn nên đã cùng T phạm tội. Tuy nhiên các bị cáo từ trước đến nay đều chưa có hành vi vi phạm pháp luật, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao. Vì vậy Hội đồng xét xử thấy không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà xử phạt các bị cáo hình phạt tù cho hưởng án treo, cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ để cải tạo, giáo dục các bị cáo.

[6] Về dân sự: Người bị hại không có yêu cầu gì nên không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng:

Chiếc xe máy hiệu Exciter màu xanh, đen biển số 36B5-592.77 của anh Nguyễn

Xuân Nh đứng tên chủ sở hữu là ông Nguyễn Xuân Tr (bố anh Nh) cho Nh mượn. Ông Tr và Nh không biết việc T, U, M đã sử dụng xe vào việc phạm tội, cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại tài sản cho anh Nh nên không xem xét.

01 điện thoại nhãn hiệu VERTUS – 027903 màu đen và 01 điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY S10 là vật T dùng để gọi cho U đến cùng tham gia phạm tội nên tịch thu thanh lý sung quỹ Nhà nước.

Đối với con dao bằng thép màu trắng sáng là vật bị cáo T dùng để uy hiếp anh Đ, nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với hành vi gây thương tích cho anh Đ, do vết thương nhẹ nên anh Đ từ chối giám định và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, cơ quan điều tra Công an huyện H đã ra Quyết định xử phạt hành chính đối với anh G.

[8] *Về án phí*: Vì các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 157, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự.

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lê Văn T, Đỗ Văn U và Nguyễn Văn M phạm tội “Bắt người trái pháp luật”.

Về mức hình phạt: Xử phạt bị cáo Lê Văn T 12 (Mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (Hai mươi tư) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn U 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trong thời gian thử thách giao bị cáo Lê Văn T cho Ủy ban nhân dân xã Tr, huyện H, tỉnh Thanh Hóa để giám sát giáo dục. Giao các bị cáo Đỗ Văn U và Nguyễn Văn M cho Ủy ban nhân dân xã Y, huyện H, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo Lê Văn T, Đỗ Văn U và Nguyễn Văn M cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 bộ luật hình sự; điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu thanh lý sung quỹ nhà nước:

01 điện thoại nhãn hiệu VERTUS - 27903 màu đen có số IMEI 1: 358887878754212, lắp sim số 0974711102 được niêm phong trong một phong bì thư ký hiệu M1;

01 điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY S10 có số IMEI 1: 354553100191931 lắp sim số 0966090010 được niêm phong trong một phong bì thư ký hiệu M2;

Tịch thu tiêu hủy 01 con dao bằng thép màu trắng sáng lưỡi mũi nhọn, cán bằng gỗ dài 50cm, nơi rộng nhất lưỡi dao 6,5cm, mặt dao có ký hiệu OXHEAD.

Tất cả số vật chứng trên theo biên bản giao nhận vật chứng số 38/BBGN ngày 21/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình 2015; Điều 21, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Lê Văn T, Đỗ Văn U và Nguyễn Văn M mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND h.H;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS h.H;
- Công an h.H;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- UBND xã Tr, Y;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Ngọc Tú

